



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/QĐ-HĐQT	12/10/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%
16	16/QĐ-HĐQT	12/10/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%
17	17/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc mua lại cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
18	18/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc thông qua phương án mua lại Cổ phiếu UCT	100%
19	19/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc chỉ định đơn vị thực hiện giao dịch mua cổ phiếu quỹ UCT	100%
20	20/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2018 và Điều 1 Quyết định số 01A/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
21	21/QĐ-HĐQT	26/10/2020	Về việc phê duyệt Đề cương khảo sát địa chất công trình, Công trình: Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ; Hàng mục: Kho, xưởng sửa chữa các đội trực thuộc; Địa điểm thực hiện: tại số 396 Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	100%
22	22/QĐ-HĐQT	2/11/2020	Về việc chỉ định đơn vị thực hiện công tác khảo sát địa chất công trình	100%
23	23/QĐ-HĐQT	2/11/2020	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%



STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	24/QĐ-HĐQT	10/11/2020	Về việc áp dụng hóa đơn điện tử	100%
25	25/QĐ-HĐQT	18/11/2020	Về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban phục vụ tổ chức Lễ kỷ niệm 25 năm thành lập Hiệp hội Môi trường Đô thị & Khu công nghiệp Việt Nam, Hội nghị Môi trường đô thị và Khu công nghiệp khu vực miền Nam tại thành phố Cần Thơ.	100%
26	26/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ phòng Kế hoạch Kinh doanh thành phòng Kế hoạch tổng hợp thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
27	27/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ phòng Dịch vụ đô thị thành phòng Kinh doanh dịch vụ thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
28	28/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thành lập Đội Môi trường đô thị Ninh Kiều - Cái Răng trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
29	29/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thành lập Đội Môi trường đô thị Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
30	30/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ Đội Điều vận và sửa chữa phương tiện thành Đội Sửa chữa phương tiện trực thuộc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
31	31/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thành lập Đội Công viên - Cây xanh trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
32	32/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm phó phòng Kinh doanh - Dịch vụ	100%
33	33/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng	100%
34	34/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Lý Sang)	100%





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
35	35/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Lý Văn Út)	100%
36	36/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Nguyễn Văn Lương)	100%
37	37/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội trưởng Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Phương Bắc)	100%
38	38/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Anh Chương)	100%
39	39/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Minh Hiền)	100%
40	40/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội Công viên - Cây xanh	100%
41	41/QĐ-HDQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội Sửa chữa phương tiện.	100%





## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đặng Minh Khiết	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Ban kiểm soát	
3	Nguyễn Thị Thúy Vy	Thành viên Ban kiểm soát	

### Các cuộc họp BKS/Ủy ban Kiểm toán

STT	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Minh Khiết	04	100%	100%	-
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	04	100%	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Vy	04	100%	100%	-

### Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và Cổ đông

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, các thành viên đều tham dự đầy đủ, cùng thảo luận và trao đổi thông tin và thống nhất các nội dung:

Việc họp đồng thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 với Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kiểm toán Nam Việt.

- Việc thay đổi cơ cấu vốn sau khi thực hiện thoái vốn Nhà nước theo Quyết định của UBND thành phố Cần Thơ.

- Giám sát tình hình kiểm kê tài sản tại thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- Tham gia đồng góp chương trình, kế hoạch, thực hiện tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.
- Tham gia cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc làm việc với các đơn vị trực thuộc.
- Đóng góp dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Công bố thông tin; Quy chế Chi tiêu nội bộ.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2020.
- Đóng góp dự thảo Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công ty
- Giúp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc soát xét công tác quản lý cấp phát nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho các phương tiện vận chuyển của Công ty và các công tác giám sát thường xuyên khác.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ hợp lý khác

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các Phòng Ban, Đơn vị trực thuộc;

Giữ được môi liên lạc thường xuyên trong Ban Kiểm soát, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và với Ban Giám đốc Công ty.

Trưởng ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được cung cấp thông tin kịp thời để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

**Hoạt động của BKS/Ủy ban Kiểm toán** không có

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ



# VII

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 đã được kiểm toán

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đồ Thị Cần Thơ  
 DN: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠ**,  
 CN=Cần Thơ, S=Cần Thơ,  
 Reason: I am the author of the document  
 Date: 2021.05.23 15:01:08

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Tòa số chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-28) 3910 3906 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
 CN Hồ Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Tel: (84-24) 6261 1261



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đò Thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### KHAI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đò Thị Cần Thơ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đò thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đò thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUAN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Được	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2021
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Phúc Như	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 12/10/2020
Ông Trịnh Quang Khánh	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 12/10/2020
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	

### Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.





Số: 59/2021/BCKT-AASCN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ thị Cần Thơ, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021, từ trong 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trong yêu cầu gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong thực tế, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và trình hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồ thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm trong việc báo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**T.M. Ban Giám đốc**



**Nguyễn Thạch Em**



**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

***Vấn đề cần lưu ý***

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, phần vốn góp của chủ sở hữu Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ ghi nhận là 54.249.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận bằng trong năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là 805.548.564 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với phần vốn góp của chủ sở hữu đã ghi nhận tăng (805.548.564 đồng) nêu trên. Đồng thời đến thời điểm này, phần vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm vẫn chưa được trung tâm lưu ký chứng khoán lưu ký bổ sung.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1 | Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1  
Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN</b>					
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
1.	Tiền	110	V.01	51.119.631.191	51.102.682.634
2.	Các khoản tương đương tiền	111 112		11.022.762.663 7.022.762.663 4.000.000.000	6.600.545.086 6.600.545.086 -
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		13.500.000.000	19.100.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.500.000.000	19.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>					
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.588.599.362	12.386.381.249
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	10.613.419.259	8.781.351.530
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		136.891.500	86.901.500
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.184.294.372	3.864.136.988
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (*)	137		(316.005.769)	(316.005.769)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>					
1.	Hàng tồn kho	141		12.989.449.640	13.013.367.919
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.819.526	2.385.380
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	18.819.526	2.385.380
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Đơn vị tính: VND





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND					
STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.994.586.986</b>	<b>14.161.982.030</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.536.474.062</b>	<b>13.702.042.221</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	10.536.474.062	13.702.042.221
	- Nguyên giá	222		65.299.627.915	65.227.948.548
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54.763.153.853)	(51.525.906.327)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.08	<b>322.453.634</b>	<b>233.055.464</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		322.453.634	233.055.464
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>135.659.290</b>	<b>226.884.345</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	135.659.290	226.884.345
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>62.114.218.177</b>	<b>65.264.664.664</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND					
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.153.240.732</b>	<b>9.410.128.469</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.153.240.732</b>	<b>9.020.128.469</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.112.930.952	4.069.972.226
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	136.115.000	216.350.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	649.668.598	1.096.761.877
4.	Phải trả người lao động	314		1.783.371.343	2.536.023.503
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	340.888.721	585.036.943
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		129.065.918	515.981.918
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>390.000.000</b>
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	390.000.000
<b>D.</b>	<b>VON CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.960.977.445</b>	<b>55.854.536.195</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>55.758.221.560</b>	<b>55.615.999.850</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.509.221.560	1.366.999.850
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.366.999.850	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		142.221.710	1.366.999.850
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>202.755.885</b>	<b>238.536.345</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		202.755.885	238.536.345
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>62.114.218.177</b>	<b>65.264.664.664</b>

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Thạch Em

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu



Nguyễn Thạch Em

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.614.109.106	66.204.694.339
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	-	66.614.109.106	66.204.694.339
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	58.076.605.983	55.587.603.916
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	8.537.503.123	10.617.090.423
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	982.410.763	1.339.400.360
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	23.184.158	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	-	23.184.158	-
8.	Chi phí bán hàng	25	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	9.438.047.240	10.102.316.056
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	-	58.682.488	1.854.174.727
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	449.316.581	168.136.546
12.	Chi phí khác	32	VI.06	298.940.629	256.589.944
13.	Lợi nhuận khác	40	-	150.375.952	(88.453.398)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	-	209.058.440	1.765.721.329
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	66.836.730	398.721.479
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	-	142.221.710	1.366.999.850
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	26	255
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	26	255

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thụy Em

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	69.788.531.412	72.519.631.036
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-	(29.682.457.759)	(35.824.361.932)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	-	(29.166.887.919)	(28.425.161.682)
4.	Tiền lãi vay, đã trả	04	-	(23.184.158)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05	-	(464.162.958)	(953.081.657)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	1.023.317.069	829.753.815
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-	(13.622.078.183)	(9.787.875.511)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	-	<b>(2.146.922.496)</b>	<b>(1.641.095.931)</b>
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(161.077.537)	(5.020.952.918)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.500.000.000)	(9.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.100.000.000	13.100.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.130.217.610	941.882.554
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	-	<b>6.569.146.073</b>	<b>20.949.636</b>

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
			Thuyết minh	Năm nay
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	1.945.337.438	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.945.337.438)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.603.303.500)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	-	<b>(1.603.303.500)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>4.422.217.577</b>	<b>(3.223.449.795)</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.600.545.086	9.823.994.881
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>11.022.762.663</b>	<b>6.600.545.086</b>

Người lập báo cáo:  **Lê Thanh Hiếu**  
 Kế toán trưởng:  **Nguyễn Thạch Em**  
 Phó Giám đốc:   
 Căn cứ, ngày 17 tháng 3 năm 2021



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn**  
Là Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**  
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**  
Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:
  - Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
  - Thoát nước và xử lý nước thải;
  - Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
  - Lắp đặt hệ thống điện;
  - Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
  - Dịch vụ đô thị.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường xuyên**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty không quá 12 tháng.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được lập toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**08. Quy phát triển khoa học và công nghệ**

Quy phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp quỹ phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ;
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ;

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Có thể phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận theo năm kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

**03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị: 02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 04 năm



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỢ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.  
Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở số thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	93.878.624	370.355.947
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.928.884.039	6.230.189.139
- Các khoản tương đương tiền(*)	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.022.762.663</b>	<b>6.600.545.086</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ. Lãi suất 3,5%/năm.

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng	13.500.000.000	19.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn*	13.500.000.000	19.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>19.100.000.000</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Cần Thơ. Lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>10.613.419.259</b>	<b>8.781.351.530</b>
- Phòng QLĐT, quận Ninh Kiều	2.272.590.000	193.080.000
- Phòng QLĐT, quận Cái Răng	416.130.746	2.139.043.746
- Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều	3.309.903.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.614.795.513	6.449.227.784
<b>Cộng</b>	<b>10.613.419.259</b>	<b>8.781.351.530</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>136.891.500</b>	<b>86.901.500</b>
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	136.891.500	86.901.500
<b>Cộng</b>	<b>136.891.500</b>	<b>86.901.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỢ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**05. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngân hàng</b>	<b>3.184.294.372</b>	<b>-</b>	<b>3.864.116.988</b>	<b>-</b>
- Tiền ứng	2.116.647.019	-	2.690.847.900	-
- Phải thu khác	1.054.197.353	-	1.173.289.088	-
+ <i>Lãi dự thu</i>	249.710.959	-	397.517.806	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	804.486.394	-	775.771.282	-
<b>Cộng</b>	<b>3.184.294.372</b>	<b>-</b>	<b>3.864.116.988</b>	<b>-</b>

**06. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Điện nông thôn Hậu Giang	46.568.339	-	46.568.339	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 75	104.185.609	-	104.185.609	-
- Các đối tượng khác	195.251.821	-	195.251.821	-
<b>Cộng</b>	<b>346.005.769</b>	<b>-</b>	<b>346.005.769</b>	<b>-</b>

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	189.515.927	-	318.831.524	-
- Công cụ, dụng cụ	272.262.534	-	116.865.216	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.527.671.179	-	12.577.671.179	-
<b>Cộng</b>	<b>12.989.449.640</b>	<b>-</b>	<b>13.013.367.919</b>	<b>-</b>

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>322.453.634</b>	<b>-</b>	<b>233.055.464</b>	<b>-</b>
- Mua sắm	180.000.000	-	180.000.000	-
+ <i>Sửa chữa TSCĐ</i>	180.000.000	-	180.000.000	-
- Xây dựng cơ bản	142.453.634	-	53.055.464	-
+ <i>Sửa chữa, xây dựng kho Dự sửa chữa 396 CMIS</i>	142.453.634	-	53.055.464	-
+ <i>Thi công nhà xe san hội trường</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>322.453.634</b>	<b>-</b>	<b>233.055.464</b>	<b>-</b>





	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số cơ sở	Giá trị	Số cơ sở
Phải trả người bán	3.112.930.952	3.112.930.952	4.069.972.226	4.069.972.226
- Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99	836.206.194	836.206.194	949.244.295	949.244.295
- Công ty TNHH MTV Xang Dầu Bảo Bảo	243.309.590	243.309.590	597.649.340	597.649.340
- Công ty TNHH Thương mại Phân phối Dầu Thạch	248.406.400	248.406.400	454.230.600	454.230.600
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	254.700.000	254.700.000	481.600.000	481.600.000
- Phải trả các đợt tưng khác	1.305.013.768	1.305.013.768	1.178.407.991	1.178.407.991
Phải trả người bán ngắn hạn	3.112.930.952	3.112.930.952	4.069.972.226	4.069.972.226
Người mua trả tiền trước	136.115.000	136.115.000	136.115.000	136.115.000
- Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	-	-	-	-
- Người mua trả tiền trước ngân hàng khác	136.115.000	136.115.000	136.115.000	136.115.000
Công	136.115.000	136.115.000	216.350.000	216.350.000

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ  
5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

17

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tàng công	Chí phí trả trước		Số cuối năm	Số đầu năm
						Giá trị	Số cơ sở		
1. Nguyên giá	4.119.651.276	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.227.948.548	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	71.679.367	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	4.191.330.643	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.299.627.915	-	-	-	-
11. Giá trị hao mòn lũy kế	2.943.174.235	1.855.017.279	46.678.004.813	49.710.000	51.525.906.327	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	193.904.985	133.333.332	2.910.009.209	-	3.237.247.526	-	-	-	-
Số đầu năm	2.943.174.235	1.855.017.279	46.678.004.813	49.710.000	51.525.906.327	-	-	-	-
12. Giá trị còn lại	1.176.477.041	444.444.448	12.081.120.732	-	13.702.042.221	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	1.054.251.423	311.111.116	9.171.111.523	-	10.536.474.062	-	-	-	-
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 37.373.490.807 đồng.									
Đại hạn	135.659.290	226.884.345	226.884.345						
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất đồng chờ phân bổ	135.659.290	226.884.345	226.884.345						
Công	135.659.290	226.884.345	226.884.345						

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ  
5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam



*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>340.088.721</b>	<b>585.076.943</b>
<i>Ngân hàng</i>	<i>37.310.656</i>	<i>33.539.878</i>
- Kinh phí công đoàn	63.200.000	64.800.000
- Nhận kỳ quỹ, kỳ cực ngắn hạn	239.578.065	486.697.065
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	239.578.065	486.697.065
+ Các đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>340.088.721</b>	<b>585.076.943</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>680.629.176</b>	<b>4.238.272.064</b>	<b>58.362.352.676</b>
Tăng vốn trong năm trước	805.548.564	-	-	805.548.564
Lãi trong năm trước	-	1.366.999.850	-	1.366.999.850
Phân phối lợi nhuận	-	211.913.603	(4.238.272.064)	(4.026.358.461)
Giảm khác	-	(892.542.779)	-	(892.542.779)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>54.249.000.000</b>	<b>1.366.999.850</b>	<b>1.366.999.850</b>	<b>55.615.999.850</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>54.249.000.000</b>	<b>1.366.999.850</b>	<b>1.366.999.850</b>	<b>55.615.999.850</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	142.221.710	142.221.710
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>54.249.000.000</b>	<b>1.366.999.850</b>	<b>1.509.221.560</b>	<b>55.758.221.560</b>

*Đơn vị tính: VND*

	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>649.668.598</b>	<b>18.819.526</b>
Tăng	-	-
Giảm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>649.668.598</b>	<b>18.819.526</b>

**16. Các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.096.761.877</b>	<b>4.514.326.478</b>
Tăng	-	3.000.000
Giảm	-	688.929.057
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.096.761.877</b>	<b>4.514.326.478</b>

**17. Các khoản phải nộp khác**

	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.385.380</b>	<b>2.385.380</b>
Tăng	-	-
Giảm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.385.380</b>	<b>2.385.380</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
- Vốn góp của Nhà nước	27.666.990.000	51	27.666.990.000	51
- Các cổ đông khác	26.582.010.000	49	26.582.010.000	49
<b>Cộng</b>	<b>54.249.000.000</b>	<b>100</b>	<b>54.249.000.000</b>	<b>100</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay		Năm trước
	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm
- Vốn góp của chủ sở hữu			53.443.451.436
+ Vốn góp đầu năm	54.249.000.000	-	805.548.564
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	54.249.000.000	-	54.249.000.000
+ Vốn góp cuối năm	-	-	1.603.303.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-	-

d. Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm
	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang kỳ phát hành	5.424.900	-	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.424.900	-	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	-	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.424.900	-	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	-	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.614.109.106
<b>Cộng</b>	<b>66.614.109.106</b>	<b>66.204.694.339</b>

02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.076.605.983
<b>Cộng</b>	<b>58.076.605.983</b>	<b>55.587.603.916</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Doanh thu hoạt động tài chính	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	982.410.763	1.339.400.360
<b>Cộng</b>	<b>982.410.763</b>	<b>1.339.400.360</b>

04. Chi phí tài chính	Năm trước	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	23.184.158	-
<b>Cộng</b>	<b>23.184.158</b>	<b>-</b>

05. Thu nhập khác	Năm trước	
	Năm nay	Năm trước
- Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	390.000.000	-
- Các khoản khác	59.316.581	168.136.546
<b>Cộng</b>	<b>449.316.581</b>	<b>168.136.546</b>

06. Chi phí khác	Năm trước	
	Năm nay	Năm trước
- Hỗ trợ các hoạt động xã hội	183.000.000	-
- Các khoản bị phạt	18.000.000	2.173.611
- Các khoản khác	97.940.629	254.416.333
<b>Cộng</b>	<b>298.940.629</b>	<b>256.589.944</b>

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay		Năm trước
	<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>9.438.047.240</b>	<b>10.403.362.056</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.310.057.172	4.320.688.155	4.320.688.155
- Chi phí đồ dùng văn phòng	90.040.836	91.260.364	91.260.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	147.994.416	227.225.920	227.225.920
- Thuế, phí và lệ phí	378.217.920	448.511.424	448.511.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.119.026.777	1.147.994.434	1.147.994.434
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.391.810.169	4.167.681.759	4.167.681.759
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(301.046.000)</b>	<b>(301.046.000)</b>
- Hoàn nhập dự phòng từ cơ cấu, dự phòng khác	-	(301.046.000)	(301.046.000)
<b>Cộng</b>	<b>9.438.047.240</b>	<b>10.102.316.056</b>	<b>10.102.316.056</b>

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay		Năm trước
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	66.836.730	398.721.479
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>66.836.730</b>	<b>398.721.479</b>	<b>398.721.479</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	209.058.440	1.765.721.329
- Các khoản điều chỉnh tăng	268.346.773	227.886.067
+ Chi phí phát hành vì phạm hành chính	-	2.173.611
+ Chi phí không được trừ	268.346.773	225.712.456
Các khoản điều chỉnh giảm	477.405.213	1.993.607.396
Thu nhập tính thuế TNDN	95.481.043	398.721.479
Thuế suất thuế TNDN	28.644.313	20%
Thuế TNDN được giảm (*)	66.836.730	398.721.479

(\*) Giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của chính phủ.

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	142.221.710	1.366.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông	142.221.710	1.366.999.850
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.351.407
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>26</b>	<b>255</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	142.221.710	1.366.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông	142.221.710	1.366.999.850
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.351.407
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>26</b>	<b>255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.559.130.421	12.230.570.281
- Chi phí nhân công	36.346.365.550	33.568.735.923
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.201.467.066	5.520.270.774
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.450.005.303	10.288.905.877
- Chi phí khác bằng tiền	7.107.684.883	9.752.483.117
- Chi phí dự phòng	-	(301.046.000)
<b>Cộng</b>	<b>67.464.653.223</b>	<b>71.059.919.972</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty không định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chi chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.286.012.000	1.238.400.000
<b>Cộng</b>	<b>1.286.012.000</b>	<b>1.238.400.000</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản cho vay**

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	3.112.930.952	-
Vay và nợ	-	-
Chi phí phải trả	239.578.065	-
Các khoản phải trả khác	-	239.578.065
<b>Cộng</b>	<b>3.352.509.017</b>	<b>3.352.509.017</b>

**Số đầu năm**

Phải trả cho người bán	4.069.972.226	-
Vay và nợ	-	-
Chi phí phải trả	-	-
Các khoản phải trả khác	486.697.065	-
<b>Cộng</b>	<b>4.556.669.291</b>	<b>4.556.669.291</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

(\*) Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị gốc.

Giá trị hợp lý	Số cuối năm		Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính	11.022.762.663	6.600.545.086	11.022.762.663	6.600.545.086
Tiền và các khoản tương đương	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.667.816.612	9.954.640.618	(346.005.769)	(346.005.769)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.500.000.000	19.100.000.000	13.500.000.000	19.100.000.000
Cộng	35.844.573.506	35.655.185.704	36.190.579.275	(346.005.769)
Nợ phải trả tài chính	4.069.972.226	4.069.972.226	4.069.972.226	4.069.972.226
Các khoản phải trả khác	486.697.065	486.697.065	486.697.065	486.697.065
Cộng	4.556.669.291	4.556.669.291	4.556.669.291	4.556.669.291



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ**  
Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
**Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phần tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá trị định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thạch Em

Thành phố Cần Thơ, ngày 13 tháng 04 năm 2021

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ VIỆT CHIẾN

